TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23/7/2025
Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy Lan;

2. Ông Tô Văn Nhung.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2025/QĐST – HNGĐ ngày 23/6/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1992; thường trú: Số H, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Ngô Thành D, sinh năm 1988; thường trú: Số H, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2025, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Ngô Thành D1 sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện về sống chung với nhau, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo giấy đăng ký kết hôn số 45/KH/2010, quyển số 01, ngày 16/3/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại thành phố D, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Cuộc sống hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông D thường xuyên ăn nhậu. Mỗi lần vợ chồng cải nhau, ông D thường đánh đập bà H. Ông D không phụ giúp bà trong vấn đề kinh tế, mọi chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình đều do một mình bà H gánh vác. Vì vậy, cuộc sống vợ chồng trở nên ngột ngạt, căng thẳng, gây mệt mỏi cho nhau. Vì con, bà đã cố gắng nhẫn nhịn để con có một gia đình hạnh phúc, và tạo điều kiện để ông D thay đổi nhưng ông D không thay đổi được. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Ngô Thành D.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có với nhau 02 người con chung tên Ngô Thị Thanh T, sinh ngày 14/7/2009 và Ngô Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 05/3/2013, hiện nay các con đang sống chung với bà H. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Ngô Thành D: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và yêu cầu ông Ngô Thành D có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ H nhưng ông D không có ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Thành D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 02/6/2025 nhưng ông D vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của bà H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ H đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn là ông Ngô Thành D có địa chỉ tại Số H, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) nên Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh) thụ lý giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Ngô Thành D là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo giấy đăng ký kết hôn số 45/KH/2010, quyển số 01, ngày 16/3/2010 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Bà Nguyễn Thị Mỹ H xác định vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông D thường xuyên nhậu say và đánh đập bà H. Ông D không phụ giúp bà H trong vấn đề kinh tế, mọi chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình một mình bà H gánh vác. Vì vậy, cuộc sống trở nên ngột ngạt, căng thẳng, gây mệt mỏi cho nhau. Tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không chia sẻ, đồng cảm với nhau các vấn đề trong cuộc sống. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Thành D. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập ông Ngô Thành D đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông D không có mặt. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của ông Ngô Thành D và bà Nguyễn Thị Mỹ H đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt.

Việc ông Ngô Thành D bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà Nguyễn Thị Mỹ H cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Ngô Thành D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ H.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 người con chung tên Ngô Thị Thanh T, sinh ngày 14/7/2009 và Ngô Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 05/3/2013. Bà Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung và không yêu cầu ông D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Xét thấy việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Quá trình tố tụng, ông Ngô Thành D vắng mặt và không có văn bản nào thể

hiện ý chí mong muốn được nuôi con. Trong thời gian trước đây và hiện nay con chung vẫn do bà Nguyễn Thị Mỹ H nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có cơ sở để chấp nhận nguyện vọng của bà Nguyễn Thị Mỹ H là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 người con chung tên Ngô Thị Thanh T, sinh ngày 14/7/2009 và Ngô Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 05/3/2013.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Mỹ H không yêu cầu ông Ngô Thành D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với ông Ngô Thành D (Giấy chứng nhận kết hôn số 45/KH/2010, quyển số 01, ngày 16/3/2010 của Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp.

Về con chung: Buộc ông Ngô Thành D giao 02 người con chung tên Ngô Thị Thanh T, sinh ngày 14/7/2009 và Ngô Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 05/3/2013 cho bà Nguyễn Thị Mỹ H tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Mỹ H không yêu cầu ông Ngô Thành D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Ngô Thành D có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền

này. Trường hợp ông Ngô Thành D lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc bà Nguyễn Thị Mỹ H nuôi con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông D theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008104 ngày 18/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh). Bà Nguyễn Thị Mỹ H đã nộp đủ.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 – Tp . HCM;
- Phòng chi cục THADS KV16 - Tp . HCM;
- UBND P. Đông Hòa, Tp. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng